

KHO BẠC NHÀ NƯỚC  
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KIÊN GIANG

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 11 NĂM 2024**

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/11/2024

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
	<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>	<b>2,098,871</b>	<b>827,946</b>	<b>39.45%</b>	<b>8,980,519</b>	<b>4,195,060</b>	<b>46.71%</b>	
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ</b>	<b>58,031</b>	<b>21,697</b>	<b>37.39%</b>	<b>1,020,888</b>	<b>825,511</b>	<b>80.86%</b>	
<b>I</b>	<b>Tòa án nhân dân tối cao</b>	-	-	-	<b>79,000</b>	<b>40,874</b>	<b>51.74%</b>	
1	7939089 - XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang				79,000	40,874	51.74%	
<b>II</b>	<b>Viện kiểm sát Nhân dân tối cao</b>	<b>1,284</b>	<b>1,284</b>	<b>100%</b>	<b>24,605</b>	<b>24,217</b>	<b>98.42%</b>	
1	7564523 - Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.				23,000	23,000	100.00%	
2	7918521 - XD trụ sở Viện kiểm sát nhân dân TP.Hà Tiên	1,284	1,284	100%	1,605	1,217	75.80%	
<b>III</b>	<b>Bộ Công An</b>	-	-	-	<b>30,000</b>	<b>23,822</b>	<b>79.41%</b>	
1	081100001 - Cơ sở tạm giữ thuộc Công an tỉnh Kiên Giang (03 nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Rạch giá, công an huyện Hòn Đất và công an huyện Tân Hiệp)				14,000	14,000	100.00%	
2	081100007 - Trại tạm giam công an tỉnh Kiên Giang				16,000	9,822	61.39%	
<b>IV</b>	<b>Bộ Quốc phòng</b>	-	-	-	<b>136,586</b>	<b>99,104</b>	<b>72.56%</b>	
1	081100021 - Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc BCHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9				60,000	59,819	99.70%	
2	120211101 - Nhà nghiệp vụ đối ngoại HQ Vùng 5/BQP				29,010	14,631	50.43%	
3	700468602 - Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 2)				636	591	92.86%	
4	700468603 - Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 3)				37,665	21,960	58.30%	
5	081100029 - Xây dựng 02 Đơn Biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965) Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Kiên Giang				9,275	2,103	22.67%	
<b>V</b>	<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	-	-	-	<b>186,000</b>	<b>154,868</b>	<b>83.26%</b>	
1	7923678 - Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				145,000	120,154	82.87%	
2	DA thành phần số 5: Các công trình cấp nước TT nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc DACT trữ nước và HT cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm.....				41,000	34,714	84.67%	
<b>VI</b>	<b>Bộ Tư pháp</b>	-	-	-	<b>20,000</b>	<b>821</b>	<b>4.10%</b>	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	8050907 - Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				20,000	821	4.10%	
<b>VII</b>	<b>Bộ Tài chính</b>	<b>49,498</b>	<b>13,310</b>	<b>27.68%</b>	-	-	-	
1	7558675 - Chi cục thuế huyện An Minh	2,270	239	0.00%	-	-		
2	7866895 - Trụ sở Chi cục Hải quan Phú Quốc	47,228	13,072	27.68%	-	-		
<b>VIII</b>	<b>Bộ Giao thông Vận Tải</b>	<b>7,249</b>	<b>7,103</b>	<b>97.99%</b>	<b>544,697</b>	<b>481,805</b>	<b>88.45%</b>	
1	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025	7,103	7,103	100.00%	54,195	40,698	75.10%	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Vĩnh Thuận				156,480	153,280	97.96%	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Gò Quao				212,722	208,979	98.24%	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Châu Thành				51,300	16,673	32.50%	
5	8054883 - Tiểu dự án GPMB, TĐC công trình cầu Vàm xáng Thị đội - Giồng Riềng (thuộc DA Nâng cao tính không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia - GĐ1 KV phía nam)				70,000	62,175	88.82%	
6	7069065 - Xây dựng tuyến Lộ Tê - Rạch Sỏi	146	-	0.00%				
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ</b>	<b>2,040,840</b>	<b>806,249</b>	<b>39.51%</b>	<b>7,959,631</b>	<b>3,369,549</b>	<b>42.33%</b>	
	<b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HỖND TỈNH GIAO)</b>	<b>1,540,840</b>	<b>505,580</b>	<b>32.81%</b>	<b>7,959,631</b>	<b>3,369,549</b>	<b>42.33%</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án tỉnh quản lý</b>	<b>483,052</b>	<b>198,415</b>	<b>41.08%</b>	<b>3,462,580</b>	<b>1,182,104</b>	<b>34.14%</b>	
<b>I.1</b>	<b>BCH Bộ đội biên phòng tỉnh</b>	<b>78</b>	<b>-</b>	<b>0.00%</b>	<b>80,514</b>	<b>32,284</b>	<b>40.10%</b>	
1	081100013 - Dự án Đồn Biên phòng Xẻo Nhàu (714) xã Tân Thạnh, huyện An Minh				19,000	-	0.00%	
2	081100015 - Trạm kiểm soát Biên phòng Hòn Nghê				2,608	1,009	38.71%	
3	220211129 - Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng				26,771	21,638	80.82%	
4	081100011 - Trạm kiểm soát Biên phòng Xẻo Nhàu				4,900	3,506	71.56%	
5	081100030 - Trạm kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi				586	577	98.42%	
6	220190015 - Đồn Biên phòng CKC Hòn Chông				15,982	1,217	7.62%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
7	081100023 - Dự án Đầu tư xây dựng Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)				147	117	79.81%	
8	Dự án Trạm kiểm soát Biên Phòng cửa khẩu quốc gia Giang Thành				46	-	0.00%	
9	Đồn Biên phòng Tây Yên, huyện An Biên				350	-	0.00%	
10	081100031 - Dự án cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị, doanh cụ công trình BCH BĐ Biên phòng tỉnh Kiên Giang				10,000	4,220	42.20%	
11	TKS Biên phòng Rạch Giá	39	-	0.00%				
12	TKS biên phòng Kim Quy	39	-	0.00%				
13	Dự án nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ bộ đội Biên phòng hy sinh trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc biên giới Tây Nam 1977-1979 (tiền thân lực lượng Công an nhân dân vũ trang)				124	-	42.20%	
<b>I.2</b>	<b>BCH Quân sự tỉnh</b>	<b>15,355</b>	<b>5,159</b>	<b>33.60%</b>	<b>145,776</b>	<b>86,519</b>	<b>59.35%</b>	
1	081100026 - Cải tạo, sửa chữa, nâng nền, mua sắm thiết bị nhà ăn Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang				1,811	1,668	92.15%	
2	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Kiên Giang				77	-	0.00%	
3	Ban chỉ huy quân sự huyện Giang Thành (giai đoạn 2)				24	-	0.00%	
4	Đội quy tập mộ liệt sỹ K92; HM: Xây dựng mới hội trường				60	-	0.00%	
5	BCH Quân sự tỉnh Kiên Giang; HM: XD mới nhà ở Đại Đội thiết giáp				341	-	0.00%	
6	Bệnh viện Quân-Dân-Y kết hợp (Bệnh xã/Bộ CHQS tỉnh cũ)				9,638	-	0.00%	
7	Ban chỉ huy quân sự phường Mỹ Đức, Ban chỉ huy quân sự phường Bình San thuộc thành phố Hà Tiên				6,499	-	0.00%	
	Ban chỉ huy quân sự xã Bàn Thạch; Ban chỉ huy quân sự xã Hòa Thuận; Ban chỉ huy quân sự xã Thạnh Bình thuộc huyện giồng Riềng				8,994	-	0.00%	
	Ban chỉ huy quân sự xã Hưng Yên; Ban chỉ huy quân sự xã Đông Thái thuộc huyện An Biên; Ban chỉ huy quân sự xã Thuận Hòa huyện An Minh				8,988	-	0.00%	
	081100034 - Ban CHQS phường Mỹ Đức, ban CHQS phường Bình San thuộc TP. Hà Tiên				6,491	-	0.00%	
	081100039 - Ban CHQS phường Vĩnh Lợi Tp. Rạch Giá, ban CHQS thị trấn Minh Lương huyện Châu Thành, ban CHQS xã Tân Hiệp A huyện Tân Hiệp				691	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
	Đóng mới tàu chuyển quân Đại đội Bộ binh hỗn hợp 7/Tiêu đoàn Bộ binh 519/Trung đoàn Bộ binh 893				2,162	-	0.00%	
	Dự án xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang				100,000	84,851	84.85%	
8	Xây dựng trạm sửa chữa tổng hợp do Bộ CHQS tỉnh quản lý	4	-	0.00%				
9	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	353	-	0.00%				
10	Đầu tư xây dựng mới và sửa chữa doanh trại Đội Quy tập mộ liệt sĩ tại Campuchia (Đội K92)	14,998	5,159	34.40%				
<b>I.3</b>	<b>Công an tỉnh</b>	<b>-</b>	<b>4,968</b>		<b>161,969</b>	<b>16,616</b>	<b>10.26%</b>	
1	081100018 - Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc Công an tỉnh Kiên Giang		1,267		12,937	5,003	38.67%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
2	081100022 - Trụ sở làm việc công an các xã Tân An, Hòa An, Thạnh Đông A, Ngọc Thuận, Ngọc Thành, Mỹ Phước thuộc CA tỉnh Kiên Giang		3,456		9,288	5,000	53.83%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
3	081100032 - Sửa chữa cải tạo, xây mới một số hạng mục công trình Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Kiên Lương thuộc công an tỉnh Kiên Giang				2,169	1,455	67.07%	
4	081100033 - Trụ sở làm việc công an các xã Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thành, Bình An (Kiên Lương), Vĩnh Phong, Nam Yên và cải tạo sửa chữa, xây dựng mới CSLV công an xã Bình An (Kiên Lương) thuộc công an tỉnh Kiên Giang				5,600	4,384	78.29%	
5	220211135 - Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực phường Vĩnh Quang thuộc CA tỉnh Kiên Giang				5,000	150	2.99%	
6	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Tây Sông Hậu thuộc công an tỉnh Kiên Giang		245		274	-	0.00%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
7	081100040 - Xây dựng công an phường An Thới, thành phố Phú Quốc				800	310	38.79%	
8	081100041 - Xây dựng công an phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc				900	314	34.92%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
9	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang (giai đoạn I+II)-Đổi ứng vốn Bộ công an				125,000	-	0.00%	
<b>I.4</b>	<b>Sở giáo dục và đào tạo</b>	<b>153,528</b>	<b>43,150</b>	<b>28.11%</b>	<b>72,918</b>	<b>48,899</b>	<b>67.06%</b>	
1	8020891 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Gò Quao				3,254	2,286	70.25%	
2	8014718 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở An Biên				3,747	3,747	100.00%	
3	8038108 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên	436	436	100.00%	1,200	1,200	100.00%	
4	8037915 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Giồng Riềng	1,128	1,128	100.00%	1,473	1,267	86.03%	
5	8020890 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	1,156	1,156	100.00%	1,103	1,103	100.00%	
6	7920310 - Trường Trung học phổ thông Dương Đông				650	-	0.00%	
7	7920317 - Trường Trung học phổ thông An Thới, PQ				23,214	12,415	53.48%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
8	7920315 - Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành, huyện Châu Thành				9,293	5,243	56.42%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
9	7920309 - Trường Trung học cơ sở & Trung học Phổ thông Nguyễn Văn Xiển, An Minh				319	-	0.00%	
10	7920314 - Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Kiên Giang				123	122	99.43%	
11	7920307 - Trường Trung học Phổ thông Cây Dương				161	-	0.00%	
12	7920319 - Trường Trung học Phổ thông Phú Quốc				25,807	19,416	75.24%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
13	7976847 - Trường Tiểu học Phạm Văn Hón, huyện U Minh Thượng				53	-	0.00%	
14	7981038 - Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Phan Thị Ràng				1,554	1,553	99.94%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
15	7981037 - Xây dựng mới 06 phòng học và cải tạo, sửa chữa 12 phòng học Trường Tiểu học Thị trấn Giồng Riềng 1; Xây mới 04 phòng học Trường Trung học cơ sở Mai Thị Hồng Hạnh				47	46	98.32%	
16	7920313 - Trường Tiểu học Phú Lợi				921	500	54.29%	
17	Dự án mua sắm trang thiết bị dạy học lớp 3,4,7,10 và thiết bị khoa học tự nhiên (Trung học cơ sở); phòng học bộ môn Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ (trung học phổ thông) chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	150,000	40,409	26.94%				
18	7920308 - Trường Trung học cơ sở & Trung học Phổ thông Vĩnh Phong	226	21	9.30%				
19	7920318 - Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thắng, Gò Quao	581	-	0.00%				
<b>I.5</b>	<b>Sở giao thông vận tải</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>589,288</b>	<b>226,335</b>	<b>38.41%</b>	
1	7883640 - DA ĐTXD CT đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương				300,000	87,777	29.26%	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				1,062	-	0.00%	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn từ Quốc lộ 80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng				393	-	0.00%	
4	Đầu tư xây dựng Cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên				430	-	0.00%	
5	8078476 - Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc (CBĐT)				2,080	998	47.98%	
6	Đầu tư xây dựng đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				162	-	0.00%	
7	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT 970 nối dài ( từ cầu tám ngàn đến đường ven biển Hòn Đất-Kiên Lương)				162	159	98.29%	
8	Đầu tư xây dựng công trình Quốc Lộ 63 (thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				221	216	97.81%	
9	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch Giá-Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá (ranh giới Rạch Giá-Hòn Đất)				111	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
10	Đầu tư xây dựng công trình Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh Thành Phố Rạch giá				128	-	0.00%	
11	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ba Hòn trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang				370	254	68.65%	
12	Đầu tư xây dựng công trình đường Võ văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61-đường 3/2)				165	113	68.73%	
13	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường nối U Minh Thượng-An Minh-Vĩnh Thuận (QL 63-ĐT 965-hành lang ven biển phía nam-ĐT 968)				237	-	0.00%	
14	Đầu tư xây dựng Công trình đường ven biển kết nối với cảng An Thới				347	-	0.00%	
15	8078475 - Đầu tư xây dựng công trình cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - thành phố Rạch Giá (CBĐT) (CBĐT)				12,000	471	3.92%	
16	8078477 - Đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên (CBĐT)				7,005	2,293	32.73%	
17	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT 965 (Công sự) sông Cái lớn (U Minh Thượng)				207	-	0.00%	
18	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT 965C - Kết nối QL63				172	172	99.84%	
19	Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL80-đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất				141	-	0.00%	
20	Dự án ĐTXD công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang, đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)				230,244	133,881	58.15%	
21	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				8,938	-	0.00%	
22	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn từ Quốc lộ 80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng				9,607	-	0.00%	
23	Đầu tư xây dựng Cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên				2,570	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
24	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao N1-Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành-Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)				2,060	-	0.00%	
25	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ba Hòn trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang				3,400	-	0.00%	
26	Đầu tư xây dựng công trình đường Võ văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61-đường 3/2)				1,500	-	0.00%	
27	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cái Lớn (Châu Thành-Gò Quan)				396	-	0.00%	
28	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao với tuyến tránh Rạch giá đến cầu Ba Hòn)				4,000	-	0.00%	
29	Dự án đóng mới tàu Thở Châu-Phú Quốc				200	-	0.00%	
30	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Trung Trực (từ cầu Rạch Sỏi đến cầu kênh Nhánh)				325	-	0.00%	
31	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường 3 tháng 2 (từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Thái Bình)				360	-	0.00%	
32	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Đường ĐT 968 (từ DT 965-đường ven biển)				295	-	0.00%	
<b>I.6</b>	<b>Sở văn hóa thể thao</b>	<b>5,278</b>	<b>4,080</b>	<b>77.31%</b>	<b>101,673</b>	<b>75,152</b>	<b>73.91%</b>	
1	220230006 - Hỗ trợ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	26	-	0.00%				
2	220230012 - Dự án Chùa Láng Cát: hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	118	-	0.00%				
3	Dự án chùa Láng Cát: Hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	788	-	0.00%				
4	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	174	-	0.00%				
5	7787162 - Tượng Đài bác Hồ (Tại Phú Quốc)		63		97,865	74,493	76.12%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
6	7745211 - Cải tạo, SC Trung tâm VH TT tỉnh GD 2016-2020	3,900	3,900	100.00%	3,500	634	18.10%	
7	Dự án tu bổ tôn tạo di tích lịch sử và thắng cảnh Ba Hòn huyện Hòn Đất				308	26	8.28%	



STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
8	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh Kiên Giang (Hàng rào bảo vệ khuôn viên Vòng viên văn hóa An Hòa)	271	117	43.28%				
<b>I.7</b>	<b>Sở Tài nguyên Môi trường</b>	-	-	-	<b>70,601</b>	<b>8,323</b>	<b>11.79%</b>	
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh				70,000	8,323	11.89%	
2	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				601	-	0.00%	
<b>I.8</b>	<b>BQL chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>23,402</b>	<b>9,272</b>	<b>39.62%</b>	<b>522,826</b>	<b>154,181</b>	<b>29.49%</b>	
1	Tiểu dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản huyện An Minh, An Biên-thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL)-09 cổng				4,488	4,488	100.00%	
2	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận				173,150	9,844	5.69%	
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu, thành phố Phú Quốc				64,000	7,312	11.43%	
4	Đầu tư xây dựng 18 cổng trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang				162,390	108,979		
5	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP				12,150	3,523	29.00%	
6	Dự án đầu tư xây dựng 03 Cổng Đầm Chích, Phú Mỹ Xẻo nhàu				27,470	6,508	23.69%	
7	Dự án chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				8,618	6,140	71.25%	
8	8072700 - ĐTXD hồ chứa nước Cửa Cạn (phía thượng lưu cầu Suối Cái) phục vụ sản xuất và sinh hoạt, thành phố Phú Quốc (CBĐT)	500	500	100.00%	6,093	4,095	67.21%	
9	Đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du (Đối ứng TW-GPMB)	5,000	1,134	22.68%				
10	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đất đai rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau				54,460	-	0.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
11	Dự án chống sạt lở bờ biển và phục hồi tuyến đê, kè biển từ Tiểu Dừa đến khu vực Kim Quy huyện An Minh	17,902	7,638	42.67%				
12	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025				10,000	3,285	32.85%	
13	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Cái Lớn-Cái bé tỉnh Kiên Giang				7	7	96.29%	
<b>I.9</b>	<b>Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn</b>	<b>19,792</b>	<b>12,264</b>	<b>61.96%</b>	<b>119,943</b>	<b>52,638</b>	<b>43.89%</b>	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	467	36	7.75%				
2	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn		774		63,624	21,137	33.22%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang				517	446	86.20%	
4	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc				245	156	63.66%	
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng				1,388	1,251	90.17%	
6	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao				725	635	87.64%	
7	8022753 - Đầu tư mới Trạm cấp nước xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, công suất: 50m3/h				8,500	6,730	79.18%	
8	Trạm cấp nước ấp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận				17,000	9,107	53.57%	
9	8064513 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái				10,490	6,493	61.90%	
10	8064512 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc				12,347	6,074	49.20%	
11	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	340	-	0.0%				
12	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc	162	-	0.0%				
13	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao	162	-	0.0%				
14	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành	455	-	0.0%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
15	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	57	-	0.0%				
16	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	93	-	0.0%				
17	8070119 - Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu XD nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và VSNT đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	3,755	901	24.01%				
18	8070118 - Trạm cấp nước Thới An, xã Thới Quản	14,302	10,553	73.79%				
19	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa				607	607	99.93%	
20	Trạm cấp nước xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				4,500	-	0.00%	
<b>I.10</b>	<b>BQL ĐTXD chuyên ngành Giao thông vận tải</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>610,500</b>	<b>222,579</b>	<b>36.46%</b>	
1	Xây mới cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965, huyện U Minh Thượng				31,000	12,912	41.65%	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn Km188+700 (nút giao TT Ba Hòn, Kiên Lương) đến Km 204+300 (nút giao QL.NI, thành phố Hà Tiên)				5,000	2,087	41.74%	
3	Đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch giá, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang				220,000	21,013	9.55%	
4	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông-Cửa cạn-Gành Dầu và xây mới nhánh nối với đường trục Nam-Bắc				140,000	90,315	64.51%	
5	Đường ven sông cái lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò quao)				29,000	14,802	51.04%	
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường viên biển từ Rạch giá đi Hòn Đất				140,000	50,071	35.77%	
7	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh Ủy ở U Minh Thượng				41,000	26,878	65.56%	
8	7011322 - Dự án khôi phục Cầu Rạch Sỏi				3,000	3,000	100.00%	
9	7067425 - Đường Nguyễn Công Trứ - TXRG				69	69	100.00%	
10	7067446 - Tỉnh lộ 28				86	86	100.00%	
11	7067455 - Đường Đồng Đa - TXRG				184	184	100.00%	
12	7067465 - Đường Lâm Quang Ky (Đồng Đa - Kinh Cụt)				124	124	100.00%	
13	7116921 - Đường Chắc Kha - Bàn Tân Định				106	106	100.00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
14	7116950 - Đường Tây Yên - Tây Yên A - An Biên				87	87	100.00%	
15	7117000 - Nâng cấp đường thứ 7 - Cán Gáo				60	60	100.00%	
16	7117053 - Duong tu Minh Luong den pha Tac Cau				181	181	100.00%	
17	7117066 - Đường Lý Thường Kiệt - Thị xã Rạch Giá				134	134	100.00%	
18	7117115 - Đường Trương Định - Thị xã Rạch Giá				55	55	100.00%	
19	7117120 - Đường Đường Xuông - Thới Quản				63	63	100.00%	
20	7117246 - Đường Ngọc Chúc - Hòa Thuận - Hòa an - GR				14	14	100.00%	
21	7117421 - Đường Ngọc Chúc - Công Bình - Vị Thanh				227	227	100.00%	
22	7117460 - Đường Trần Quang Khải - Thị xã Rạch Giá				60	60	100.00%	
23	7121268 - QUOC LO 80				49	49	100.00%	
<b>I.11</b>	<b>BQL các dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp</b>	<b>156,311</b>	<b>70,147</b>	<b>44.88%</b>	<b>769,404</b>	<b>180,913</b>	<b>23.51%</b>	
1	7995738 - Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang				31,500	6,561	20.83%	
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Kiên Giang (giai đoạn 2)				1,000	917	91.71%	
3	Xây dự trụ sở Hội chữ thập đỏ tỉnh				3,370	1,032	30.64%	
4	7991592 - Cải tạo, sửa chữa dãy nhà làm việc, phòng khánh tiết, nhà ăn, nhà để xe, hàng rào, rãnh thoát nước (CBĐT)				7,900	1,315	16.65%	
5	7988510 - Cải tạo, sửa chữa VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Kiên Giang (CBĐT)				2,870	2,870	100.00%	
6	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp				1,000	890	89.03%	
7	Dự án sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Kiên Giang				4,415	362	8.20%	
8	Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang		295		17,069	14,496	84.92%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
9	Cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề vùng Tứ giác Long Xuyên				6,736	1,652	24.53%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
10	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa				2,271	1,862	81.97%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
11	Trường THCS và THPT Minh Thuận				9,747	6,301	64.64%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
12	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa Hưng Bắc				10,500	8,665	82.53%	
13	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ				19,360	11,331	58.53%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
14	Trường THCS Đông Hồ				10,214	517	5.06%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
15	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu				10,451	3,083	29.50%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
16	Trường THCS và THPT Bình Sơn, huyện Hòn Đất				11,869	10,896	91.80%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
17	Trường THPT Giồng Riềng		886		8,177	6,142	75.11%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
18	Trường THPT Kiên Lương				10,000	7,818	78.18%	
19	Trường tiểu học thị trấn Kiên Lương 1				6,242	3,829	61.34%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
20	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang: hạng mục cải tạo, sửa chữa và mua sắm TB				789	789	99.98%	
21	Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường				141,443	687	0.49%	
22	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng				158,180	37,848	23.93%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
23	7660260 - Trung tâm Y tế huyện Giang Thành				183,733	18,938	10.31%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
24	Dự án Bệnh viện sản nhi				2,849	1,642	57.65%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
25	7130200 - Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang	67	-	0.00%				
26	8009360 - Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện Giang Thành				5,848	7,834	133.97%	
27	7576218 - ĐTXD Cơ sở hạ tầng khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So và hồ Hoa Mai	461	35	7.56%				
28	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Quao				6,409	1,320	20.60%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
29	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Hà Tiên				10,474	7,239	69.11%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
30	Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT Kiên Giang				8,939	4,185	46.82%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
31	Trường THPT Thạnh Đông				8,044	499	6.21%	Do điều chỉnh giảm KHV kéo dài theo NQ 60
32	Trường THCS và THPT Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất				8,000	4,751	59.38%	
33	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang				16,460	189	1.15%	
34	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành				700	57	8.17%	
35	Cải tạo, nâng cấp Đài phát thanh truyền hình và khắc phục sự cố công trình tại Đài phát thanh và truyền hình Kiên Giang				10,000	3,995	39.95%	
36	Đầu tư xây dựng công trình tại Đài phát thanh và truyền hình tại Hòn Me				3,050	400	13.11%	
37	Dự án Hội trường và phòng họp trực tuyến của văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	50,218	584	1.16%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
38	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thuận	69,428	36,067	51.95%				
39	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 13 trung tâm y tế tuyến huyện và Bệnh viện ung bướu tỉnh Kiên Giang	36,136	25,027	69.26%				
40	Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh				2,095	-	0.00%	Do điều chỉnh giảm KHV theo NQ 60
41	7995738 - Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang		3,330		3,330	-	0.00%	Do điều chỉnh giảm KHV theo NQ 60
42	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện Giang Thành				13,853	-	0.00%	Do điều chỉnh giảm KHV theo NQ 60
43	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp				2,603	-	0.00%	Do điều chỉnh giảm KHV theo NQ 60
44	7988510 - Cải tạo, sửa chữa VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Kiên Giang (CBĐT)		3,923		5,014	-	0.00%	Do điều chỉnh giảm KHV theo NQ 60
45	7991592 - Cải tạo, sửa chữa dãy nhà làm việc, phòng khánh tiết, nhà ăn, nhà để xe, hàng rào, rãnh thoát nước (CBĐT)				2,901	-	0.00%	Do điều chỉnh giảm KHV theo NQ 60
<b>I.12</b>	<b>Văn phòng tỉnh ủy</b>	<b>1,602</b>	<b>10</b>	<b>0.64%</b>	<b>83,223</b>	<b>13,916</b>	<b>16.72%</b>	
1	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện Gò Quao				2,159	985	45.62%	Do điều chỉnh giảm KHV theo NQ 60
2	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện An Minh				1,974	1,139	57.70%	Do điều chỉnh giảm KHV theo NQ 60
3	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải				5,448	3,283	60.26%	
4	8010519 - Đầu tư xây dựng mới nhà làm việc các Ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (CBĐT)				40,000	8,499	21.25%	
5	XD mới khu lưu trữ lịch sử Đảng tỉnh ủy	10	10	100.00%				

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
6	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc huyện ủy Châu Thành	1,581	-	0.00%				
7	Đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của cơ quan Đảng	10	-	0.00%				
8	Xây mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Hòa Hưng; xã Ngọc Chúc; xã Ngọc Thuận, huyện Giồng riềng				4,706	-	0.00%	
9	Xây mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Thạnh Phước, sửa chữa nhà công vụ huyện ủy Giồng riềng, huyện Giồng Riềng				2,539	-	0.00%	
10	Xây mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, xã Định An, xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				4,728	2	0.04%	
11	Xây mới và mua sắm thiết bị nhà ăn huyện Ủy Gò Quao, sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ huyện Ủy Gò Quao, huyện Gò Quao				2,291	1	0.04%	
12	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Phú Lợi, xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành				4,042	1	0.03%	
13	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Nam Thái; sửa chữa nhà làm việc các ban đảng huyện An Biên; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ huyện ủy huyện An Minh				3,013	2	0.05%	
14	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Bình An; sửa chữa và mua sắm thiết bị hội trường huyện ủy Kiên Lương, huyện Kiên Lương				2,291	1	0.04%	
15	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Thuận; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ huyện ủy Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận ; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng				3,682	2	0.04%	
16	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn huyện Ủy Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp				3,674	2	0.04%	
17	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Thành Ủy, thành phố Phú Quốc				1,361	1	0.08%	



STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
18	Dự án đề án tin học hóa các cơ quan Đảng				1,000	-	0.00%	
19	Xây dựng mới kho lưu trữ lịch sử Đảng Tỉnh ủy				315			
<b>I.13</b>	<b>Ban dân tộc</b>	<b>164</b>	<b>45</b>	<b>27.43%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	8071613 - Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	45	45	100%	-	-		
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Dân tộc	119	-	0%	-	-		
<b>I.14</b>	<b>UBND huyện An Minh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17,000</b>	<b>-</b>	<b>0.00%</b>	
1	Đường KT1	-	-		17,000		0.00%	
<b>I.15</b>	<b>UBND Thành phố Rạch Giá</b>	<b>17,137</b>	<b>8,807</b>	<b>51.39%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	7969114 - Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiến (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá)	17,137	8,807	51.39%				
<b>I.16</b>	<b>Trường Cao đẳng nghề</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,900</b>	<b>891</b>	<b>46.88%</b>	
1	7931834 - Xây dựng, sửa chữa trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang				1,900	891	46.88%	
<b>I.17</b>	<b>Trường cao đẳng Kiên Giang</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3,540</b>	<b>32</b>	<b>0.90%</b>	
1	7926187 - Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang: hạng mục xây dựng mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm TB				3,540	32	0.90%	
<b>I.2</b>	<b>Ngân hàng Chính sách xã hội</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>45,000</b>	<b>42,654</b>	<b>94.79%</b>	
1	220240012 - Cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				25,000	25,000	100.00%	
2	220240013 - Cho vay đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				20,000	17,654	88.27%	
<b>I.19</b>	<b>Sở lao động thương binh và xã hội</b>	<b>74,066</b>	<b>39,543</b>	<b>53.39%</b>	<b>2,907</b>	<b>603</b>	<b>20.76%</b>	
1	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang				1,400	440	31.44%	
2	Sửa chữa, cải tạo ký túc xá và mua sắm thiết bị Trường trung cấp Việt-Hàn Phú Quốc				67		0.00%	
3	Xây dựng mới dãy 03 phòng học và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường trung cấp nghề Tân Hiệp				157	43	27.29%	
4	Sửa chữa, cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ thành phố Hà Tiên				145	56	38.32%	
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, xây mới dãy 06 phòng học và mua sắm thiết bị trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Kiên Giang				108	65	60.02%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
6	Dự án nâng cấp, cải tạo Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang	73,920	39,504	53.44%	-	-		
7	Nâng cấp, cải tạo mộ Nghĩa trang liệt sỹ huyện Hòn Đất	146	39	26.72%	-	-		
8	Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang hạng mục: Xây dựng mới nhà ở học viên, nhà công vụ, phá dỡ công trình cũ, nâng cấp cải tạo các hạng mục phụ trợ				1,030	-	0.00%	
<b>I.20</b>	<b>Dự án chưa phân khai</b>				<b>38,626</b>	<b>-</b>	<b>0.00%</b>	
<b>I.21</b>	<b>Ban thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng Du lịch (GMS)</b>	<b>183</b>	<b>-</b>	<b>0.00%</b>				
1	Dự án "phát triển hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện cho khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng" gồm: Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử và tiểu dự án Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích quốc gia)	183	-	0.00%				
<b>I.22</b>	<b>Sở Thông tin Truyền thông</b>	<b>47</b>	<b>-</b>	<b>0.00%</b>	<b>720</b>	<b>-</b>	<b>0.0%</b>	
1	Dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	47	-	0.00%				
2	7941404 - Xây dựng công dữ liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang				500	-	0.00%	
3	Xây dựng hệ thống tổng đài tự động phục vụ người dân, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang				220	-	0.00%	
<b>I.23</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>1,569</b>	<b>329</b>	<b>0.00%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Cải tạo, mở rộng Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	1,569	329	0.00%				
<b>I.24</b>	<b>Sở Y Tế</b>	<b>14,542</b>	<b>641</b>	<b>0.00%</b>	<b>142</b>	<b>141</b>	<b>99.44%</b>	
1	7420502 - Bệnh viện đa khoa Kiên Giang ( 1020 giường)	14,542	641	4.41%				
2	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị Trung tâm y tế thành phố Phú Quốc				142	141	99.44%	
<b>I.25</b>	<b>Vườn Quốc gia Phú Quốc</b>				<b>3,033</b>	<b>270</b>	<b>8.90%</b>	
1	Xây dựng tuyến đường Vành Đai bao quanh vườn Quốc gia Phú Quốc giai đoạn 1				3,033	270	8.90%	
<b>I.26</b>	<b>Tòa án nhân dân tỉnh</b>				<b>21,079</b>	<b>19,157</b>	<b>90.88%</b>	
1	Dự án xây mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang				21,079	19,157	90.88%	
<b>II</b>	<b>Huyện, thành phố quản lý</b>	<b>1,057,788</b>	<b>307,165</b>	<b>29.0%</b>	<b>4,497,051</b>	<b>2,187,445</b>	<b>48.64%</b>	
1	Huyện Vĩnh Thuận	27,952	21,302	76.21%	303,592	205,413	67.66%	
2	Huyện Hòn Đất	894	252	28.19%	265,148	161,118	60.77%	
3	Huyện Gò Quao	17,058	8,729	51.17%	300,203	131,856	43.92%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
4	Huyện An Minh	24,285	6,794	27.98%	253,745	118,832	46.83%	
5	Huyện Kiên Hải	4,377	1,488	33.99%	87,058	52,957	60.83%	
6	Huyện An Biên	39,553	31,207	78.90%	282,046	108,775	38.57%	
7	Huyện Châu Thành	207,427	92,555	44.62%	226,205	88,175	38.98%	
8	Huyện Kiên Lương	144,315	8,813	6.11%	284,056	126,431	44.51%	
9	Huyện Tân Hiệp	14,721	7,485	50.85%	124,841	83,079	66.55%	
10	Thành phố Phú Quốc	109,516	468	0.43%	340,499	187,528	55.07%	
11	Huyện Giồng Riềng	4,932	4,034	81.79%	242,658	149,506	61.61%	
12	Thành phố Hà Tiên	1,023	720	70.32%	638,389	201,830	31.62%	
13	Huyện U Minh Thượng	23,681	11,161	47.13%	109,267	81,271	74.38%	
14	Thành phố Rạch Giá	433,835	110,027	25.36%	896,179	404,666	45.15%	
15	Huyện Giang Thành	4,219	2,131	50.49%	143,164	86,008	60.08%	
	<b>NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW</b>	<b>500,000</b>	<b>300,669</b>	<b>60.13%</b>	-	-	-	
<b>I</b>	<b>Dự án do tỉnh quản lý</b>	<b>500,000</b>	<b>300,669</b>	<b>60.13%</b>	-	-	-	
<b>I.1</b>	<b>Ban quản lý Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>500,000</b>	<b>300,669</b>	<b>60.13%</b>	-	-	-	
1	8072698 - Đầu tư xử lý sạt lở bờ biển huyện Hòn Đất (CBĐT)	250,000	165,454	66.18%				
2	8072699 - Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển đoạn Thứ Hai - Xẻo Bần thuộc An Biên - An Minh (CBĐT)	250,000	135,216	54.09%				

Kiên Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2024



**Dương Văn Đông**

